

Số: 1777/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đầu tư và Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BKHĐT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bổ sung mới trong lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Đầu tư (gồm 02 TTHC mới ban hành) và lĩnh vực Đấu thầu (gồm 01 TTHC sửa đổi, bổ sung) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Xem Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

1. Công khai các TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.



2. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết các TTHC này theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư; Giám đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan CM thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP. Huế;
- Sở KHĐT (*bản chính*);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, KSTT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀ LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ DANH MỤC HỒ SƠ	Thời gian thụ lý (ngày làm việc)				
		Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh	Tiếp nhận và giao trả	Chuyên viên	LĐVP	LĐUB
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (02 TTHC)					
1	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	07	0,5	5,5	0,5	0,5
	Tờ trình phê duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư (bản chính)					
1.1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (bản chính);					
1.2	Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (bản sao);					
1.3	Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; giải trình việc đáp ứng nguyên tắc, điều kiện quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7 và 8 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn (bản chính);					
1.4	Một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao);					



1.5	Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (<i>bản chính</i>); Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp <i>bản sao</i> thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;					
1.6	Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>);					
1.7	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản chứng thực</i>);					
1.8	Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) (<i>bản chứng thực</i>);					
1.9	Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường (<i>bản chính</i>);					
1.10	Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư (<i>bản chính</i>);					
	<i>Dự thảo Báo cáo có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử.</i>					
2	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	07	0,5	5,5	0,5	0,5
	<i>Tờ trình phê duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư (bản chính)</i>					
2.1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>bản chính</i>);					
2.2	Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>);					
2.3	Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn,					

	tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; giải trình việc đáp ứng nguyên tắc, điều kiện quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7 và 8 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn (<i>bản chính</i>);					
2.4	Một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>);					
2.5	Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (<i>Bản chính</i>); Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp <i>bản sao</i> thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;					
2.6	Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>);					
2.7	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao hợp lệ</i>);					
2.8	Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) (<i>bản chính</i>);					
2.9	Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường (<i>bản chính</i>);					
2.10	Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư (<i>bản chính</i>).					
	<i>Dự thảo Báo cáo có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử.</i>					
II	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU (01 TTHC)					
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (<i>do Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện nộp hồ sơ</i>)	07	0,5	5,5	0,5	0,5

	<i>Tờ trình phê duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư (bản chính)</i>					
1.1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận (<i>bản chính</i>);					
1.2	Nội dung đề xuất dự án đầu tư gồm: Tên dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư, phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư; phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>);					
1.3	Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư (<i>bản sao hợp lệ</i>);					
1.4	Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>);					
1.5	Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có) (<i>bản sao</i>).					
	<i>Dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án do nhà đầu tư đề xuất có chữ ký chịu trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trình duyệt; kèm file điện tử.</i>					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH